

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2017/DS-PT

Ngày 16 - 11 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa;
Ông Ngô Thanh Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Tra – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2017/TLPT-DS ngày 10 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2017/QĐ-PT ngày 24 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Văn H; cư trú tại: Số A, ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn H (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 5 năm 2017): Bà Tân Lê Thảo D; cư trú tại: Số B,

Đường số A, Khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Ông Hồ Văn H1; cư trú tại: Số B, Tổ B, Ấp A, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn H1 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 11 năm 2013): Ông Phạm Văn T; địa chỉ: Số D, Đường số F, Khu phố E, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trương Thị Tr; cư trú tại: Số B, Tổ B, Ấp A, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị Tr (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 07 tháng 9 năm 2016): Ông Trương Văn V; cư trú tại: Số G, Tổ H, Ấp C, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Kim X; cư trú tại: Số A, ấp L, xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Kim X (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26 tháng 5 năm 2017): Bà Tân Lê Thảo D; cư trú tại: Số B, Đường số A, Khu phố C, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

2. Công ty Cổ phần Đường B;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp A, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Đường B (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 12 năm 2016): Ông Nguyễn Đức C, chức vụ: Phó Trưởng phòng - Phòng Nguyên liệu Nhà máy đường TTC B – T; địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

- Người kháng cáo: Ông Hồ Văn H - nguyên đơn và ông Hồ Văn H1 - bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn ông Hồ Văn H có yêu cầu khởi kiện như sau:

Vào năm 2010, ông Hồ Văn H có hợp đồng mua bán mía bằng lời nói, không lập văn bản; nội dung đề ông Hồ Văn H1 làm đại diện ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm cây mía với Nhà máy Đường B – T. Theo đó, ông H là người trồng mía, cung cấp mía cho nhà máy và nhận tiền mía từ ông H1.

- Mùa vụ 2011-2012, sau khi thu hoạch đã trừ tiền công chặt mía và tiền vận chuyển thì tổng số tiền còn lại là 234.359.000 đồng. Qua đối chiếu công nợ, ông Hồ Văn H đồng ý trừ ra một phần tiền do ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr đã trả được 150.000.000 đồng, trừ tiền mía của ông H1 (gửi chung xe) là 4.200.000 đồng; còn thiếu nợ lại 80.359.000 đồng. Do tình cảm anh em trong gia đình nên ông Hồ Văn H không yêu cầu ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr làm giấy tờ về khoản nợ này.

- Mùa vụ năm 2012 – 2013, số tiền mía là 236.900.000 đồng nhưng ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr chưa thanh toán cho ông Hồ Văn H được đồng nào.

Đến ngày 10/10/2013, ông Hồ Văn H1 có làm giấy xác nhận nợ tiền mía cho ông Hồ Văn H. Căn cứ vào các phiếu mía và giấy xác nhận nợ này thì tổng cộng tiền nợ của 02 vụ là 317.059.000 đồng. Ông Hồ Văn H khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải có trách nhiệm trả lại cho ông Hồ Văn H tổng số tiền nợ nêu trên.

Đối với chi phí đi xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc ông Hồ Văn H đề nghị ai là người thua kiện phải chịu. Theo ông Hồ Văn H, việc bán mía cho vợ chồng ông H1 là số mía của vợ chồng ông, không còn ai khác liên quan.

2. Bị đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Ông Hồ Văn H1 trình bày:

Ông Hồ Văn H1 công nhận lời trình bày của ông Hồ Văn H là đúng, ông Hồ Văn H1 công nhận số nợ trên và đồng ý liên đới cùng bà Trương Thị Tr trả số nợ 317.059.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H. Bởi vì, ông H đã cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bao gồm: Các phiếu nhận sản lượng mía do Nhà máy Đường B - T cung cấp và ông H đã nộp cho Tòa án, bản xác nhận sản lượng mía của Nhà máy Đường B - T, bản xác nhận nợ tiền mía, bảng kê sản lượng khách hàng, bảng tổng hợp diện tích mía và bản tính toán nợ tiền mía của bà Trương Thị Tr của vụ năm 2011-2012. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc, ông Hồ Văn H1 đồng ý ai thua kiện thì người đó phải chịu theo quy định của pháp luật.

2.2. Bị đơn bà Trương Thị Tr trình bày:

Mùa vụ 2012-2013, vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr mâu thuẫn với nhau, bà Trương Thị Tr bỏ ra ngoài sinh sống với con. Ông Hồ Văn H1 cùng ông Hồ Văn H đứng ra kêu nhà máy thu hoạch mía và các phiếu mía này được thu từ phần diện tích đất của vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr trồng mía. Ông Hồ Văn H lấy mía của vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr, rồi buộc bà Trương Thị Tr phải trả tiền cho ông Hồ Văn H đây là điều rất vô lý; việc này không thể chấp nhận được, đề nghị Tòa án xem xét.

Đối với phần diện tích đất mà ông Hồ Văn H cho rằng trồng mía là đất của vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr; ông Hồ Văn H còn cho rằng đã mua đất của bà Trương Thị Tr là không đúng; bởi vì, không có bất cứ giấy tờ nào thể hiện việc mua bán đất giữa ông Hồ Văn H với vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr. Trong khi đó, bà Trương Thị Tr lấy phần diện tích đất này đi thế chấp ngân hàng để vay vốn nhưng ông Hồ Văn H không có ý kiến gì. Như vậy, yêu cầu của ông H là không có căn cứ; các tài liệu chứng cứ mà ông H cung cấp cho Tòa án như bảng kê sản lượng, bảng tổng hợp diện tích mía có tên ông Hồ Văn H là không có giá trị pháp lý; đề nghị Tòa án xác minh làm rõ.

Đối với bản xác nhận nợ của ông Hồ Văn H1 cho ông Hồ Văn H là không khớp số liệu đối với tài liệu ông Hồ Văn H cung cấp. Các phiếu mía mà ông Hồ Văn H cung cấp cho Tòa án là các phiếu mía của vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr. Ông Hồ Văn H1 và Hồ Văn H là anh em ruột với nhau, việc ông Hồ Văn H1 thừa nhận nợ và xác nhận nợ cho ông Hồ Văn H là không khách quan, đề nghị Tòa án xem xét.

Bà Trương Thị Tr hoàn toàn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H; bởi vì, vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr không có mua bán mía với ông Hồ Văn H. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu của ông Hồ Văn H.

Về chi phí đi xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc thì ai thua kiện thì người đó phải chịu theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, việc mua bán mía của các hộ dân cho nhà máy đường là do vợ chồng ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr thực hiện, các con của bà Tr và người khác không tham gia cũng như không có liên quan.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày quan điểm đối với vụ án:

3.1. Bà Phạm Kim X trình bày:

Bà Phạm Kim X là vợ của ông Hồ Văn H; bà X thống nhất với lời trình bày của ông Hồ Văn H tại Tòa án và không có ý kiến bổ sung gì thêm.

3.2. Công ty Cổ phần Đường B trình bày:

Nhà máy Đường B – T thuộc Công ty Cổ phần Đường B (*sau đây gọi tắt là nhà máy*) có ký kết hợp đồng trồng mía với các hộ dân thông qua ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr, nhà máy chỉ biết trên hợp đồng và số lượng bao nhiêu; còn cụ thể của hộ dân nào, diện tích ra sao và giao dịch thế nào chỉ có ông H1 - bà Tr biết. Tuy ông H1 đứng tên trên hợp đồng nhưng toàn bộ giao dịch do bà Tr được ông H1 ủy quyền thực hiện với nhà máy. Nhà máy cấp vốn cho ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr trên số diện tích đất được ký, thu mua và thanh toán trên sản lượng mía. Thanh toán theo mùa vụ, vụ mía năm 2011-2012 nhà máy đã thanh toán xong. Vụ mía năm 2012-2013, các bên xảy ra tranh chấp; đồng thời, ông H1 yêu cầu chấm dứt việc ủy quyền cho bà Tr nên chưa thanh toán được cho các hộ dân. Vì nhà máy không thể biết được của hộ dân nào, sản lượng bao nhiêu nên không thể thanh toán theo yêu cầu của họ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H, nhà máy đề nghị ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi hợp đồng với ông H khi đã nhận thanh quyết toán tiền từ nhà máy (bút lục số 57).

Nhà máy không có giao dịch hợp đồng với ông Hồ Văn H. Đối với bảng kê và bảng tổng hợp sản lượng mía mà ông Hồ Văn H cung cấp cho Tòa án không phải do nhà máy ban hành. Trước đây, số tiền của mùa vụ mía năm 2012-2013 còn tại nhà máy, nhưng nhà máy đã chi trả xong sau khi có các quyết định của Tòa án nhân dân huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (các bản án được xét xử tương tự vụ án này). Do vậy, đề nghị Tòa án không đưa Công ty Cổ phần Đường B vào tham gia tố tụng và xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án (bút lục số 356).

4. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V đã quyết định:

Áp dụng Điều 428 của Bộ luật Dân sự; Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ông Hồ Văn H yêu cầu ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền mua bán mía còn thiếu là 317.059.000 đồng. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

5. Kháng cáo:

- Ngày 09/3/2017, ông Hồ Văn H kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

- Ngày 10/3/2017, ông Hồ Văn H1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H.

6. Phần phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng được tổng đạt đầy đủ và hợp lệ. Phiên tòa phúc thẩm được thực hiện dân chủ, bình đẳng, vô tư và khách quan. Người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, chấp hành tốt pháp luật.

Về nội dung: Ông Hồ Văn H1 đứng tên trong Hợp đồng với Nhà máy Đường B – T nên toàn bộ các hộ dân trồng mía đều do ông H1 xác nhận nợ; do vậy, bản xác nhận nợ tiền mía ngày 10/10/2013 do ông H1 xác nhận cho ông Hồ Văn H cũng có căn cứ để xác định ông H1 và bà Trương Thị Tr đang nợ tiền mía của ông H. Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp 05 bản án dân sự “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” của các hộ dân trồng mía mà ông H1 và bà Tr là đồng bị đơn; trong các bản án trên, bà Tr đều không thừa nhận các khoản nợ nhưng Tòa án nhân dân huyện V đều xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, anh Hồ Văn M là con của ông H1 và bà Tr xác nhận ông H1 là người đại diện cho ông H ký hợp trồng mía, bao tiêu sản phẩm với nhà máy là có thật, việc bà Tr không thừa nhận là sự cố chấp.

Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu ông H1 và bà Tr phải thanh toán số tiền 317.059.000 đồng là có cơ sở để xem xét. Căn cứ Khoản 2, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn H và bị đơn ông Hồ Văn H1; sửa toàn bộ bản án thẩm số: 04/2017/DS-ST ngày 24/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng

- Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn H và bị đơn ông Hồ Văn H1 được làm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện, tư cách tham gia tố tụng, thu thập và công khai chứng cứ, hòa giải và các thủ tục tố tụng khác được Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung

- Tại cấp sơ thẩm, bà Phạm Kim X đã ủy quyền cho ông Lê Huân C đại diện tham gia tố tụng; ông C cũng là đại diện theo ủy quyền của ông Hồ Văn H (chồng bà X) nhưng bà X cũng có lời trình bày riêng (bút lục số 42); tuy phần trình bày của ông H và bà X là thống nhất nhưng bà X tham gia tố tụng khác tư cách với ông H. Cấp sơ thẩm không đưa lời trình bày của bà X vào nội dung bản án là có thiếu sót; do đó, sửa án sơ thẩm về phần này.

- Về nội dung tranh chấp:

+ Ông Hồ Văn H1 đứng tên trong Hợp đồng đầu tư và bao tiêu sản phẩm mía cây với Nhà máy Đường B - T. Nhà máy không ký hợp đồng trực tiếp với các hộ dân mà thông qua một số người trung gian, trong đó có ông Hồ Văn H1; vấn đề này được Nhà máy Đường B – T xác nhận (bút lục số 57). Do đó, nhà máy chỉ giao dịch với ông H1 và các phiếu mía của nhà máy cũng chỉ ghi tên ông H1 là phù hợp với hợp đồng. Việc ông H1 làm đại diện cho các hộ dân trồng mía chỉ là thỏa thuận bằng lời nói, không có lập văn bản là đúng với thực tế. Các hộ dân trồng mía đều do ông Hồ Văn H1 xác nhận nợ.

+ Ông Hồ Văn H1 là người trực tiếp ký hợp đồng để nhà máy ứng vốn đầu tư cho ông H1; sau đó, ông H1 giao lại cho các hộ dân trồng mía, nhằm mục đích chăm sóc mía để cung cấp toàn sản lượng mía cho nhà máy. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bao tiêu sản phẩm, vợ chồng ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr còn nợ tiền nhiều hộ dân trồng mía, việc này được thể hiện tại Biên bản làm việc số: 08/BB-UBND vào ngày 08/5/2013 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện V (bút lục số 10 và 11).

+ Tuy ông H1 đứng tên trên hợp đồng nhưng toàn bộ giao dịch do bà Tr được ông H1 ủy quyền để thực hiện với nhà máy (bút lục số 134). Vụ mía năm 2012-2013, các bên xảy ra tranh chấp; đồng thời, ông H1 yêu cầu chấm dứt việc ủy quyền cho bà Tr (bút lục số 133) nên chưa thanh toán được cho các hộ dân. Các vấn đề này được Nhà máy Đường B – T xác nhận (bút lục số 57); đồng thời, bà Tr cũng thừa nhận việc vợ chồng mâu thuẫn trong thời gian này. Do không được thanh toán nên một số hộ dân đã khởi kiện.

+ Tại biên bản cuộc họp do Ủy ban nhân dân xã P lập ngày 06/9/2013 (bút lục số 17 và 18) để giải quyết việc chi trả tiền mía cho các hộ dân, giữa: Đại diện Ủy ban nhân dân xã, đại diện Nhà máy Đường B – T, ông Hồ Văn H1, và Trương Thị Tr với các hộ dân trồng mía. Nội dung cuộc họp thể hiện ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr còn nợ tiền mía của các người dân chưa chi trả; trong đó, có ông Hồ Văn H.

+ Các hộ dân trồng mía khác tương tự như ông Hồ Văn H đã khởi kiện tranh chấp đối với ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr là đồng bị đơn, các vụ án đều có nội dung tương tự. Tại 05 bản án dân sự sơ thẩm “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” do Tòa án nhân dân huyện V giải quyết với các nguyên đơn khác nhau, bao gồm: Bản án số: 07/2014/DSST ngày 08/7/2014, bản án số: 08/2014/DSST ngày 25/8/2014, bản án số: 01/2015/DSST ngày 28/01/2015, bản án số: 03/2015/DSST ngày 13/02/2015 và bản án số: 10/2015/DSST ngày 16/6/2015. Trong các bản án này, bà Trương Thị Tr đều không thừa nhận các khoản nợ mà các nguyên đơn yêu cầu nhưng Tòa án đều xét xử, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn; đồng thời, một số bản án đã có hiệu lực pháp luật và đã được thi hành án.

+ Về việc trồng mía của ông Hồ Văn H được xác nhận bởi các người làm chứng có đất canh tác gần với vị trí ông H trồng mía, bao gồm: Ông Nguyễn Thiên M, ông Trần Thế M, ông Lê Văn Th và ông Đặng Ngọc Th. Đồng thời, vào thời điểm 2010 và 2012, trên địa bàn ấp B, xã P, huyện V xảy ra việc voi rừng phá hoại mía của người dân tại địa phương; vấn đề này được chính quyền lập biên bản và Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện V hỗ trợ thiệt hại; trong đó, ông Hồ Văn H được hỗ trợ 42.080.000 đồng (bút lục từ số 463 đến 466). Như vậy, việc ông H có trồng mía tại địa phương là có cơ sở; cấp sơ thẩm chưa xem xét các chứng cứ này là đánh giá chưa đầy đủ bản chất của vụ án.

+ Về các phiếu mía: Khi khai thác mía, Trạm nông vụ của nhà máy cử đầu công (người chặt mía, vận chuyển mía) xuống chặt mía của từng hộ dân và vận chuyển về nhà máy. Sau khi có phiếu cân mía, đầu công xác nhận trên phiếu mía là của hộ dân nào thì ghi tên hộ dân đó (ví dụ: H). Đầu công giao bản chính phiếu mía này cho người trồng mía; để họ tính tiền mía với ông Hồ Văn H1 – bà Trương Thị Tr; phiếu nào chưa thanh toán thì người dân giữ lại. Quy trình này đã được xác minh và ghi nhận tại Bản án số: 03/2015/DSST ngày 13/02/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, có nội dung tranh chấp tương tự. Đồng thời, các phiếu mía này được Nhà máy Đường B – T xác nhận là của nhà máy phát hành dùng để thanh toán cho ông Hồ Văn H1, còn việc ông H1 có thanh toán lại cho

các hộ dân trồng mía hay không thì nhà máy không nắm rõ (bút lục số 165). Do đó, các phiếu mía ông H đã nộp cho Tòa án làm căn cứ khởi kiện (các bút lục từ số 169 đến 198) được ông H1 xác nhận là có cơ sở.

+ Đối với Bảng kê sản lượng khách hàng (bút lục số 9) và bảng Tổng hợp diện tích mía CS 2011 - 2012 (bút lục số 168), Nhà máy Đường B – T xác nhận không phải do nhà máy ban hành. Xét thấy, 02 tài liệu này được lập nhưng không có người ký tên hoặc đóng dấu nên chỉ mang tính chất tham khảo số liệu; bởi vì, việc nguyên đơn khởi kiện chỉ căn cứ vào các phiếu mía (các bút lục từ số 169 đến 198), không phải là 02 tài liệu nêu trên. Vấn đề này được ông Hồ Văn H1 xác nhận và có sự chứng kiến của Ủy ban nhân dân xã P (bút lục số 59).

+ Ông Trần Thế M là đầu công (người chặt mía, vận chuyển mía) cho các hộ dân có ký hợp đồng với nhà máy (mã số hợp đồng C059), đã xác nhận sản lượng mía của ông Hồ Văn H như sau: Vụ năm 2011-2012 là 316.517 kg và vụ năm 2012-2013 là 352.459 kg (các bút lục số 166 và 167). Xác nhận của ông M phù hợp với lời trình bày của những hộ dân khác, số liệu ông Hồ Văn H cung cấp và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

+ Anh Hồ Văn M, sinh năm 198X là con chung của ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr. Anh M là Giáo viên đang công tác tại Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông H, huyện V có đơn kiến nghị gửi Tòa án cấp phúc thẩm, với nội dung: Cha ruột anh là ông Hồ Văn H1 đại diện cho ông Hồ Văn H ký hợp trồng mía, bao tiêu sản phẩm với nhà máy là có thật; việc mẹ ruột anh là bà Trương Thị Tr không thừa nhận là sự cố chấp.

+ Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 85/2015/QĐHNGĐ-ST ngày 14/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện V, thể hiện: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Văn H1 với bà Trương Thị Tr. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, việc mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Hồ Văn H1 – bà Trương Thị Tr đúng như các bên trình bày và vấn đề nợ chung trong thời kỳ hôn nhân phải được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

+ Về số tiền nguyên đơn khởi kiện: Sau khi xem xét các phiếu mía (các bút lục từ số 169 đến 198), xác nhận của ông Trần Thế M, bảng kê sản lượng mía của ông H được ông M trích từ sổ cá nhân (bút lục số 167) và đơn giá mía do nhà máy cung cấp (bút lục số 98), thể hiện:

* Mùa mía vụ năm 2011 - 2012: Tổng số tiền mía ông Hồ Văn H chưa được nhận là 234.359.000 đồng. Tại bút lục số 44, thể hiện việc cần trừ số tiền 4.200.000 đồng và 150.000.000 đồng, còn lại 80.359.000 đồng. Văn bản này được lập ngày 11/02/2012, bà Trương Thị Tr thừa nhận chữ viết trong giấy này là của bà Tr nhưng không thừa nhận nội dung (bút lục số 304). Tuy bà Tr không thừa nhận nội dung văn bản nhưng ông Hồ Văn H đồng ý số tiền trong văn bản này là tiền cần trừ, cụ thể: 4.200.000 đồng là tiền mía của ông Hồ Văn H1 gửi chung xe với ông H; số tiền 150.000.000 đồng là tiền mía vợ chồng ông H1 – bà Tr đã trả cho ông H của mía vụ 2011 -2012. Việc thừa nhận này của ông H là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Số liệu cần trừ được tính toán sai nên được điều chỉnh lại, cụ thể: 234.359.000 đồng – (4.200.000 đồng + 150.000.000 đồng) = 80.159.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm, ông Hồ Văn H cũng đã điều chỉnh lại yêu cầu khởi kiện cho phù hợp với số liệu nêu trên (bút lục số 344).

* Mùa mía vụ năm 2012 - 2013: Tổng số tiền mía ông Hồ Văn H chưa được nhận là 236.900.000 đồng, mùa vụ này vợ chồng ông H1 – bà Tr chưa trả cho ông Hoài.

* Tổng cộng số tiền của cả 02 vụ mía ông Hồ Văn H chưa được nhận là 317.059.000 đồng (ba trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng).

- Hội đồng xét xử kết luận:

+ Do ông Hồ Văn H và ông Hồ Văn H1 là em trong gia đình nên ông H không yêu cầu vợ chồng ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr làm giấy tờ sau khi thu hoạch vụ mía. Tuy nhiên, đến ngày 10/10/2013, ông Hồ Văn H1 có làm giấy xác nhận nợ tiền của ông Hồ Văn H về vụ mía năm 2011 - 2012 và vụ mía năm 2012 – 2013 chưa thanh toán, tổng cộng là 320.900.000 đồng (bút lục số 14). Sau khi cần trừ, ông Hồ Văn H rút một phần yêu cầu, còn lại khởi kiện là 317.059.000 đồng là khoản nợ còn lại của 02 vụ mía.

+ Vào thời điểm ông Hồ Văn H1 xác nhận nợ tiền mía ngày 10/10/2013 cho ông Hồ Văn H, ông H1 cũng xác nhận nợ tiền mía cho các hộ dân khác trồng mía; các hộ dân này sau đó không được thanh toán nên đã khởi kiện như đã nêu trên.

+ Từ những nhận định nêu trên có đủ căn cứ để xác định ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr đang nợ tiền mía của ông Hồ Văn H. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để xem xét. Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H là chưa đảm bảo quyền lợi của đương

sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Văn H và ông Hồ Văn H1; sửa toàn bộ bản án sơ thẩm. Buộc ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền mía cho ông Hồ Văn H; cụ thể: Mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ của số tiền nêu trên là 317.059.000 đồng : 2 = 158.529.500 đồng.

+ Ngoài ra, theo như bà Trương Thị Tr trình bày thì không có việc sang nhượng đất giữa ông Hồ Văn H với ông Hồ Văn H1 - bà Trương Thị Tr; về việc này, nếu có tranh chấp, các bên đương sự có quyền khởi kiện trong vụ án khác, nếu đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Chi phí tố tụng: Theo như trình bày của các bên đương sự thì bên nào thua kiện thì người đó phải chịu theo quy định của pháp luật. Theo các chứng từ tài chính và biên bản thanh lý trong hồ sơ thể hiện tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc hiện trạng là 5.931.470 đồng (các bút lục số 285, 286, 263 và 264). Số tiền này ông Hồ Văn H đã nộp tạm ứng, ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho ông H; cụ thể: Mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ của số tiền nêu trên là 5.931.470 đồng : 2 = 2.965.735 đồng.

[4] Án phí: Căn cứ Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn H; cụ thể: Mỗi người phải nộp 158.529.500 đồng x 5% = 7.926.000 đồng (làm tròn). Ông Hồ Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả lại ông H tạm ứng án phí đã nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Văn H và ông Hồ Văn H1 kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại ông Hồ Văn H tạm ứng án phí đã nộp. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Hồ Văn H1 đã nộp được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm ông H1 phải chịu.

[5] Đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2, Điều 308; Điều 309, Điều 313 và Khoản 2, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 25 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Các Điều 121, Điều 124 và Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Pháp lệnh số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Văn H và bị đơn ông Hồ Văn H1;

Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

1. Về nội dung:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn ông Hồ Văn H về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản với bị đơn ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr.

Buộc bị đơn ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Hồ Văn H số tiền 317.059.000 đồng (ba trăm mười bảy triệu không trăm năm mươi chín nghìn đồng). Trong đó, trách nhiệm của ông Hồ Văn H1 là 158.529.500 đồng (một trăm năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng); và trách nhiệm của bà Trương Thị Tr là 158.529.500 đồng (một trăm năm mươi tám triệu năm trăm hai mươi chín nghìn năm trăm đồng).

2. Chi phí tố tụng:

Bị đơn ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải chịu chi phí tố tụng.

Buộc ông Hồ Văn H1 và bà Trương Thị Tr phải chịu trách nhiệm liên đới thanh toán lại cho nguyên đơn ông Hồ Văn H số tiền là 5.931.470 đồng (năm triệu chín trăm ba mươi một nghìn bốn trăm bảy mươi đồng). Trong đó, trách nhiệm của ông Hồ Văn H1 là 2.965.735 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng); và trách nhiệm của bà Trương Thị Tr là 2.965.735 đồng (hai triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi lăm đồng).

3. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và thi hành án:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền được nêu tại mục 1 và mục 2 phần quyết định của bản án này, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại Khoản 2, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Hồ Văn H1 phải nộp 7.926.000 đồng (bảy triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Bà Trương Thị Tr phải nộp 7.926.000 đồng (bảy triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Hồ Văn H không phải chịu án phí, hoàn trả lại ông H 8.022.500 đồng (tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 06319 ngày 25/10/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Hồ Văn H và ông Hồ Văn H1 kháng cáo không phải chịu án phí.

- Hoàn trả lại ông Hồ Văn H 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 001255 ngày 10/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

- Số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí kháng cáo ông Hồ Văn H1 đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số: 001251 ngày 09/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được trừ vào án phí dân sự sơ thẩm ông H1 phải chịu được nêu tại tiểu mục 4.1, mục 4, phần quyết định của bản án này.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện V (2);
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V;
- Các đương sự (5);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành